

**BÁO CÁO AN NINH NGUỒN NƯỚC MÙA KIẾT VÊ
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỪ LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG**
(tháng 10/2025)

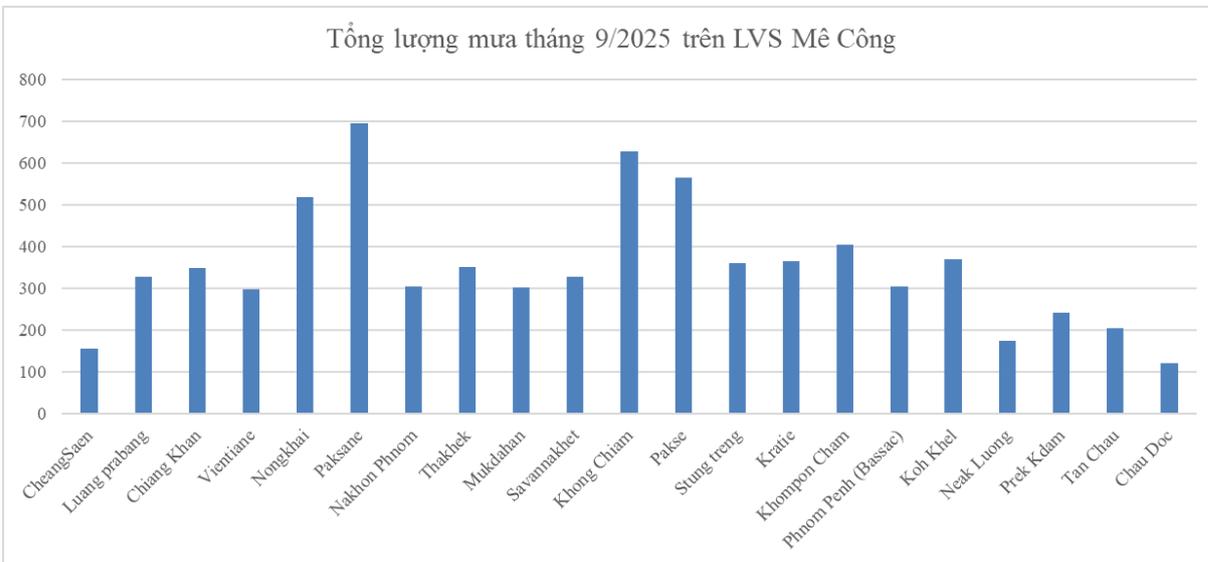
THUỘC NHIỆM VỤ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN, KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC Ở THƯỢNG
NGUỒN SÔNG MÊ CÔNG PHỤC VỤ GIÁM SÁT AN NINH NGUỒN NƯỚC VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2025

**NỘI DUNG 1: CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÒNG
CHẢY VÀ NGUỒN NƯỚC, SỬ DỤNG NƯỚC Ở THƯỢNG NGUỒN
SÔNG MÊ CÔNG**

1.1. Diễn biến mưa trên lưu vực Mê Công

Cập nhật các thông tin thu thập trên lưu vực sông Mê Công trong tháng 9/2025 cho thấy, lượng mưa phổ biến thấp hơn TBNN, khu vực Đông Bắc Thái Lan có lượng mưa lớn hơn TBNN khoảng 13%, Châu thổ Mê Công ở mức xấp xỉ TBNN. Trong đó, trạm thấp nhất xuất hiện tại Châu Đốc (121mm), trạm có tổng lượng mưa cao nhất ở Paksane (694mm), tại Kratie có tổng lượng đạt 364mm.

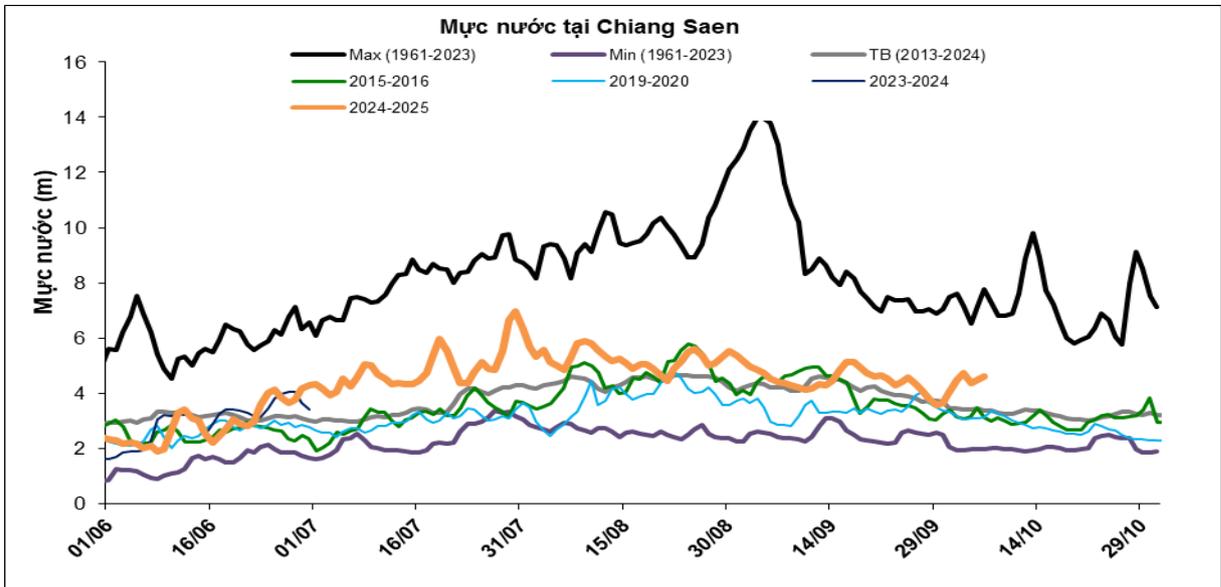


Hình 1: Diễn biến mưa lưu vực sông Mê Công

1.2. Diễn biến dòng chảy trên dòng chính lưu vực Mê Công

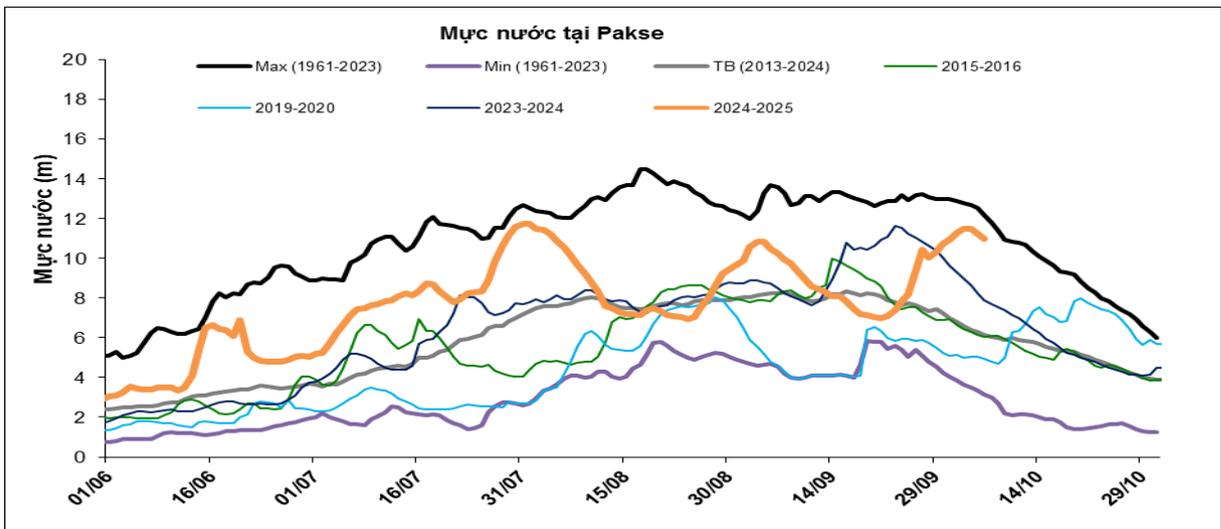
Mức nước các trạm dòng chính sông Mê Công hiện nay có sự biến động theo chiều hướng tăng do được cung cấp dòng chảy lớn từ mưa. Tại Chiang Saen (Thái

Lan), mực nước hiện đạt 4,60m, cao hơn TBNN (2013-2024) 1,23m; cao hơn 2023 khoảng 1,47m và tương đương năm 2024. Tại Pakse, mực nước hiện nay là 10,98m, cao hơn TBNN; năm 2023; 2024 lần lượt là 4,84m; 3,25m; và 3,08m. Tại trạm đầu nguồn ĐBSCL – Kratie, mực nước cập nhật ngày 6/10 đạt 21,44m, cao hơn TBNN; năm 2023; 2024 lần lượt là 5,44m; 3,38m; và 3,83m.



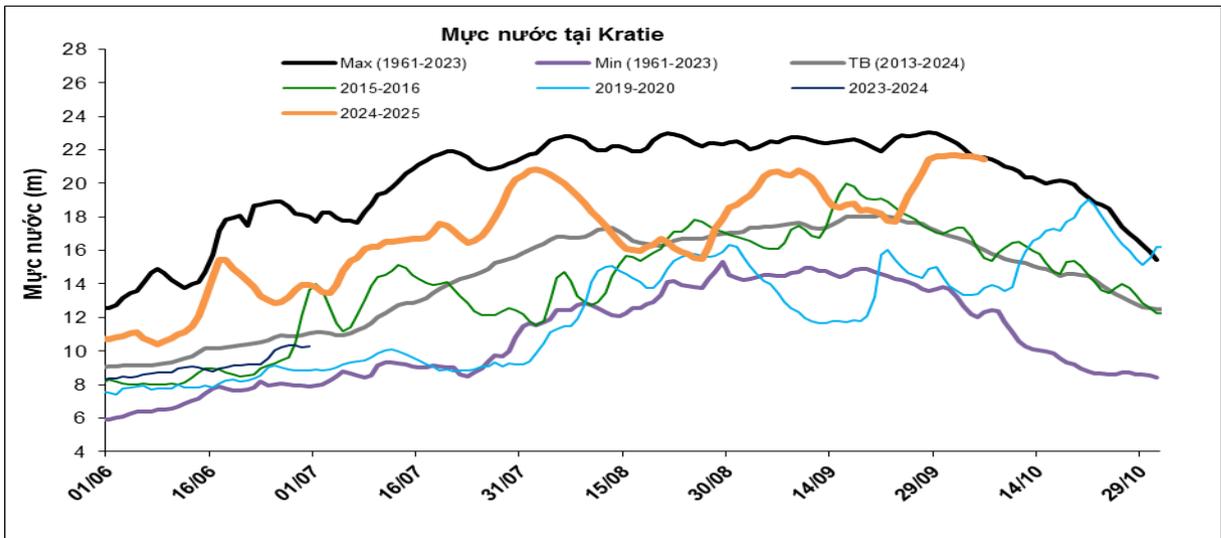
Hình 2: Diễn biến mực nước tại Chiang Saen – Thái Lan

Tổng lượng dòng chảy qua trạm Chiang Saen tháng 9/2025 khoảng 8,3 tỷ m³; so sánh với quá khứ ở mức cao hơn khoảng 0,9 tỷ m³ so với TBNN (2013-2024), thấp hơn khoảng 3,3 tỷ m³ so với năm 2024.



Hình 3: Diễn biến mực nước tại Pakse – Lào

Tại Pakse (Lào), tổng lượng nước tháng 9 qua đây đạt khoảng 66,3 tỷ m³, cao hơn TBNN (2013-2024) khoảng 10,1 tỷ m³ tuy nhiên thấp hơn cùng kỳ năm 2024 khoảng 7,8 tỷ m³.

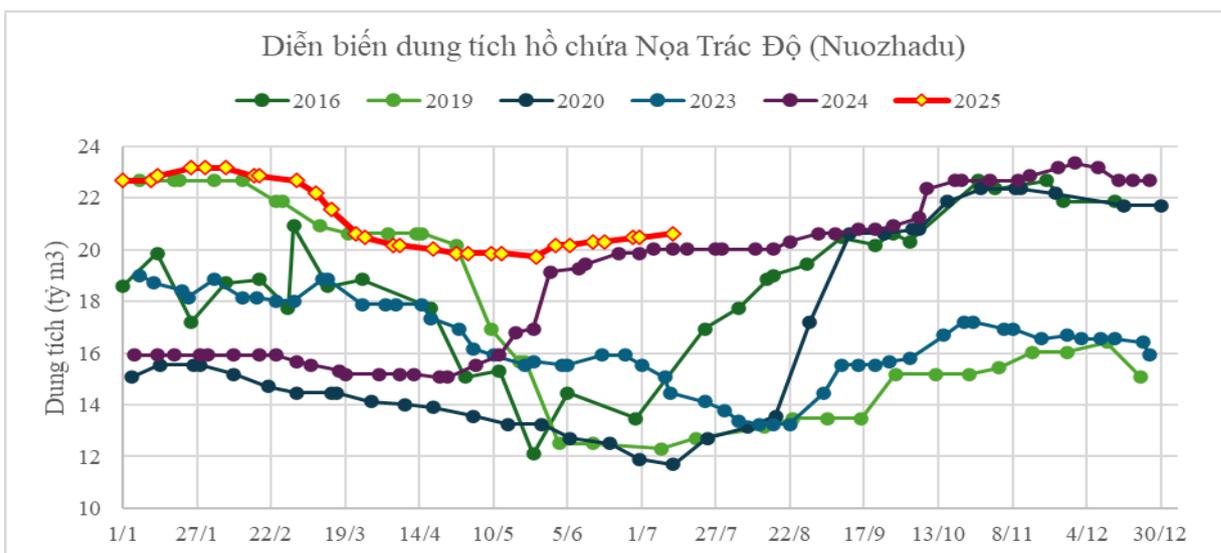


Hình 4: Diễn biến mực nước tại Kratie – Campuchia

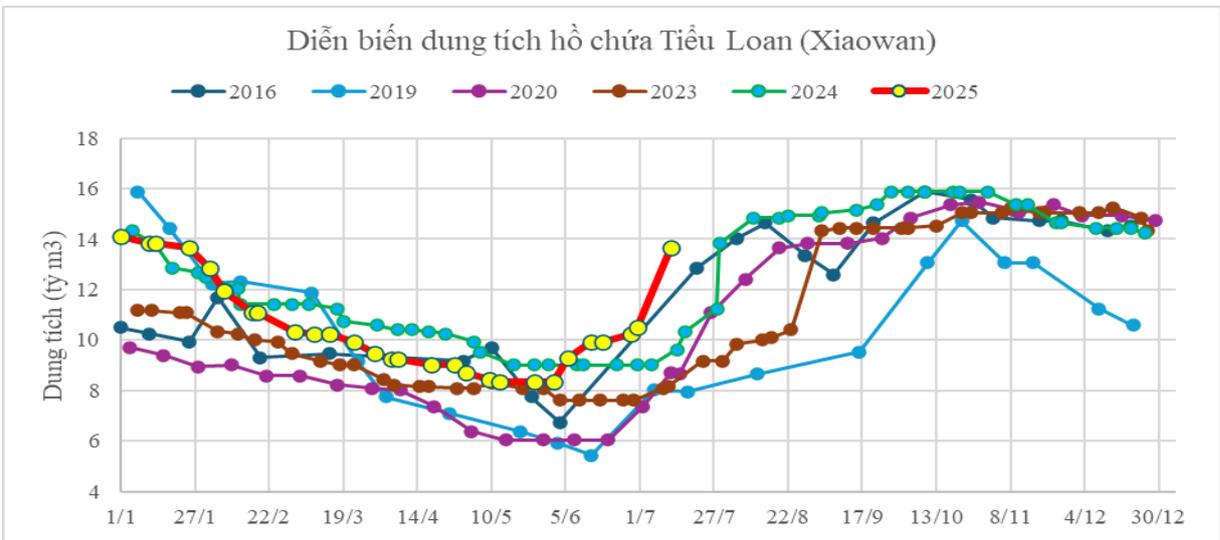
Tại Kratie (Campuchia), tổng lượng qua đây đạt khoảng 97,6 tỷ m³, cao hơn TBNN(2013-2024) khoảng 25,1 tỷ m³ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 khoảng 2,1 tỷ m³.

1.3. Lượng trữ các hồ chứa trên lưu vực Mê Công và biển hồ Tonle Sap

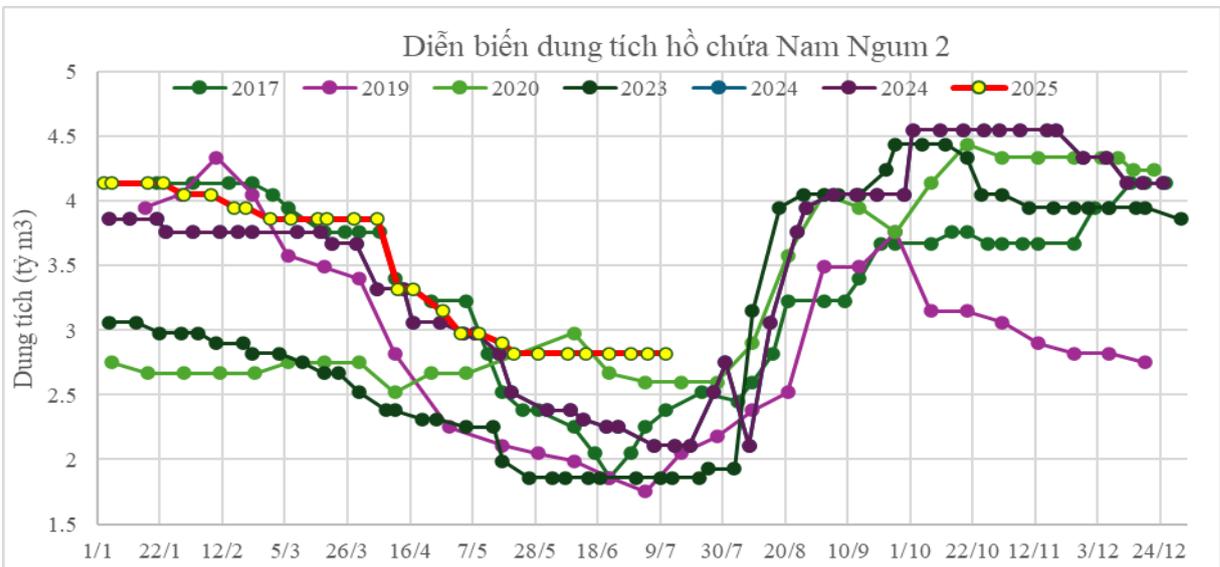
Cập nhật dung tích hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công đến cuối tháng 9/2025 cho thấy, tổng dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024-2025 trên lưu vực sông Mê Công có khoảng 57,48 tỷ m³. Trong đó các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 22,71 tỷ m³, tương đương với 95,5 tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 83,4 % tổng dung tích hữu ích. So với cùng kỳ năm 2023 cao hơn 12,72 tỷ m³, so với năm 2024 cao hơn 2,87 tỷ m³.



Hình 5: Dung tích trữ của hồ Nọa Trác Độ một số năm



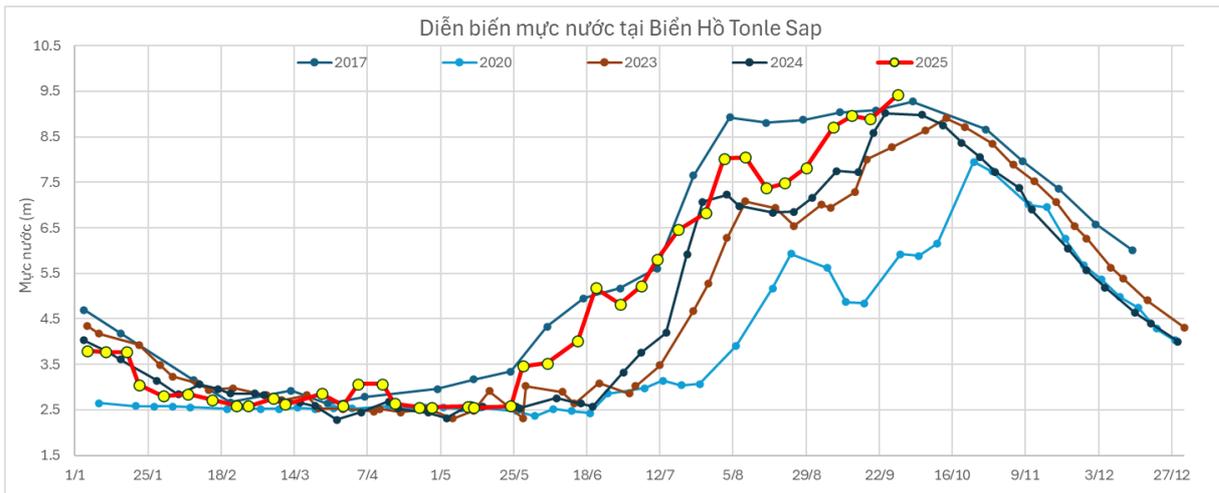
Hình 6: Dung tích trữ của hồ Tiểu Loan một số năm



Hình 7: Dung tích trữ của hồ Nam Ngụm 2 một số năm

Dựa vào số liệu thu thập về lượng trữ của các hồ chứa trên lưu vực cho thấy lượng nước đến cuối tháng 9/2025 ở mức cao hơn một số năm gần đây, khả năng cung cấp về hạ lưu là có tác động tích cực trong mùa khô 2025-2026. Đặc biệt là các hồ lớn cuối bậc thang thủy điện Trung Quốc và hồ Nam Ngụm 2 ở Lào. Cụ thể, hồ Nọa Trác Độ, Tiểu Loan có tổng lượng trữ lần lượt là trên 20 tỷ m³ và trên 13 tỷ m³; hồ Nam Ngụm 2 đang trữ trên 2,5 tỷ m³.

Khu vực biên hồ Tonle Sap, hồ hiện trong giai đoạn tích nước, dung tích hồ hiện hữu khoảng 50,8 tỷ m³, cao hơn so với cùng thời kỳ TBNN khoảng 19,2 tỷ m³, cao hơn năm 2024 và 2023 lần lượt là 9,3 tỷ m³ và 13,0 tỷ m³.



Hình 8: Dung tích hồ Tonle Sap năm 2025 và một số năm

1.4. Sử dụng nước trên lưu vực Mê Công

Nhu cầu nước (NCN) trên lưu vực Mê Công được tính toán từ số liệu thu thập trong quá khứ; tổng hợp và phân tích nội suy cho thời gian hiện tại. Kết quả tính toán NCN của các quốc gia trong tháng 10/2025 từ 3,8 đến 4,3 tỷ m³, tập trung phần lớn ở Thái Lan và Campuchia. Hiện tại trong thời kỳ đỉnh lũ năm 2025 nên sử dụng nước của các quốc gia thượng lưu được xem là không đáng kể so với tiềm năng nguồn nước sinh ra trên lưu vực.

Bảng 1: Tổng hợp tính toán nhu cầu nước của các quốc gia thượng lưu ĐBSCL

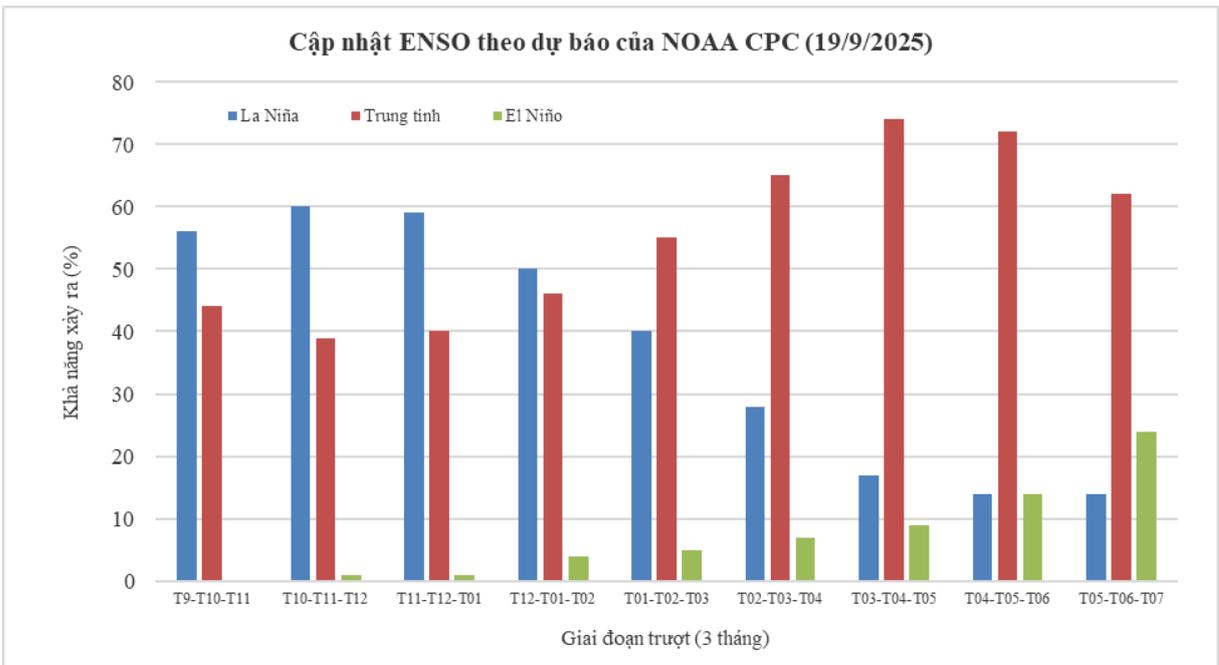
Đơn vị: tỷ m³

Tháng	Lào	Thái Lan	Campuchia	Tây Nguyên VN	Tổng
Cao	0,471	2,920	0,922	0,014	4,327
Thấp	0,441	2,491	0,867	0,010	3,810
Trung bình	0,456	2,706	0,895	0,012	4,068

NỘI DUNG 2: ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO THEO CÁC KỊCH BẢN CÁC TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÀ AN NINH NGUỒN NƯỚC Ở ĐBSCL

2.1. Cập nhật trạng thái ENSO

Theo IRI (International Research Institute for Climate and Society – Viện nghiên cứu Khí hậu và Xã hội toàn cầu), tính từ giữa tháng 9/2025, điều kiện ENSO đã chuyển sang trạng thái La-Niña với xác suất là 56%. Trạng thái La-Niña này được kỳ vọng sẽ tiếp tục hoạt động đến đầu mùa khô 2025-2026 (12/2025-01/2026). Tuy nhiên, sang thời kỳ từ tháng 01-3/2026 trạng thái ENSO trung tính được dự báo sẽ trở lại với khả năng xuất hiện từ 55% đến 74%.

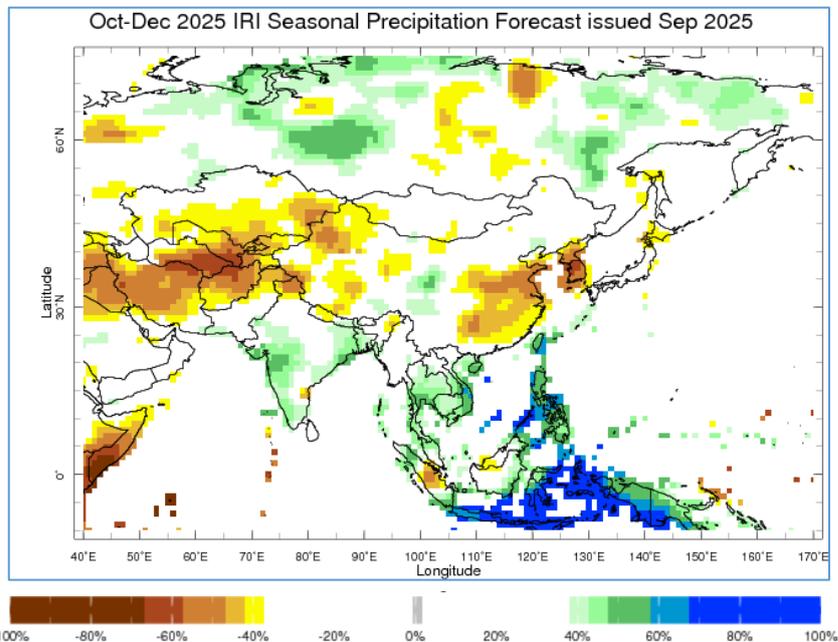


Nguồn: IRI (NOAA CPC - <https://iri.columbia.edu/our-expertise/climate/forecasts/enso/current/>)

Hình 9: Dự báo khả năng xuất hiện các trạng thái ENSO mùa kiết 2025-2026

2.2. Cập nhật dự báo mưa

Theo dự báo khả năng xuất hiện mưa trên lưu vực Mê Công của IRI cho thấy, khả năng có mưa trên lưu vực từ tháng 10 đến 12/2025 ở mức tương đối cao – trên dưới 50% và phân bố chủ yếu từ Trung và Nam Lào đến ĐBSCL.



Nguồn: IRI

Hình 10: Dự báo khả năng xuất hiện mưa từ tháng 10-12/2025 trên lưu vực Mê Công

2.3. Dự báo dòng chảy về ĐBSCL qua Kratie theo các kịch bản

Dựa vào tình hình khí hậu, lượng mưa dự báo và các kịch bản vận hành thủy điện, sử dụng nước thượng lưu, các kịch bản tính toán nguồn nước về Kratie được thiết lập và được đưa ra tại Bảng 2. Các kết quả được tổng hợp ở các mức độ rủi ro theo thứ tự: cao, trung bình và thấp; kết quả cũng so sánh với TBNN và một số năm gần đây để có cái nhìn tổng quát khả năng nguồn nước có thể đến đầu nguồn ĐBSCL trong những tháng tới.

Dự báo nguồn nước về ĐBSCL ở mức dưới TBNN (2013-2024) ở tất cả các tháng dự báo, phụ thuộc hoàn toàn vào vận hành thủy điện thượng lưu. Các thay đổi của hoạt động thủy điện sẽ tác động đến an ninh nguồn nước ở Đồng bằng.

Bảng 2: Dự báo lưu lượng trung bình về Kratie các tháng mùa kiệt năm 2025

Tháng		Lưu lượng tại Kratie	So sánh lưu lượng các tháng năm 2025 với một số năm gần đây					
			Q (m ³ /s)	TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20
Th.09/2025	Thực	37.672	+9.670	+796	+7.489	+9.330	+21.617	+8.755
Dự báo Th.10/2025	Cao	29.373	+10.238	+8.078	+4.450	+1.991	+6.644	+10.634
	Tb	34.556	+15.422	+13.261	+9.634	+7.175	+11.828	+15.818
	Thấp	38.012	+18.877	+16.717	+13.089	+10.630	+15.283	+19.273

Nguồn nước về Kratie thuộc nhóm năm trên trung bình nước. Với các kịch bản tính toán nguồn nước từ rủi ro cao đến thấp cho thấy, lưu lượng bình quân tháng 10/2025 tại trạm đầu nguồn ĐBSCL-Kratie từ hơn 29.000-38.000 m³/s. Dòng chảy ở mức cao hơn TBNN và một số năm gần đây cho thấy nguồn nước đổ về Đồng bằng với số lượng lớn, đảm bảo cho các nhu cầu trên Đồng bằng.

2.4. Đánh giá tác động đến sản xuất, kinh tế-xã hội và ANNN ĐBSCL

Với lưu lượng trung bình tháng như dự báo ở Bảng 2, nguồn nước về ĐBSCL qua Kratie ở mức cao hơn nhiều so với TBNN (2013-2024), là tín hiệu tốt cho đảm bảo nguồn nước cho các hoạt động sản xuất, kinh tế-xã hội của ĐBSCL. Bên cạnh đó, lũ về nhiều cũng mang theo nhiều “lợi phẩm” khác từ thủy sản đến bùn cát bồi đắp và cung cấp cho đồng ruộng, giúp tăng độ phì của đất cho vụ Đông Xuân 2025-2026 trên ĐBSCL sắp tới.

3. Kết luận & kiến nghị

Dự báo nguồn nước về đồng bằng qua Kratie tháng 10/2025 ở điều kiện cao hơn TBNN. Lũ về mang theo phù sa màu mỡ, bên cạnh việc đảm bảo an toàn sản xuất khi lũ vào thời kì đỉnh lũ, các địa phương cần tranh thủ đưa lũ vào nội đồng ở những khu vực đã thu hoạch xong để bồi đắp phù sa chuẩn bị cho vụ Đông Xuân 2025-2026.

Theo dự báo của NOAA và IRI mưa vẫn còn khả năng tiếp tục xuất hiện trên lưu vực sông Mê Công, cung cấp thêm nguồn nước vào hồ Tonle Sap cũng như tăng lượng trữ của các hồ chứa thủy điện thượng nguồn. Nguồn nước thượng lưu về ĐBSCL trong mùa khô năm 2025-2026, dự đoán đảm bảo nhu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Tuy nhiên, cần đề phòng các trường hợp vận hành bất thường của các hồ chứa thượng lưu nên có thể xảy ra thời đoạn ngắn tác động đến nguồn nước trên Đồng bằng.

Kiến nghị các đơn vị liên quan tiếp tục theo dõi các thông tin nguồn nước thông qua các báo cáo của Viện ban hành tiếp theo./.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Phú Quỳnh